

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P1**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Anh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Đỗ Mạnh Hùng;
Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P1.

- Đại diện VKSND tỉnh P1 tham gia phiên tòa: Ông Mã Văn Hùng -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Người1**; Sinh ngày 20/5/1987, tại huyện H2, tỉnh P1; Nơi cư trú: Khu Sơn Tình, xã X2, huyện H2, tỉnh P1; Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Người2, sinh năm 1945; Mẹ đẻ: Người3, sinh năm 1947; Điều trú tại: Khu Sơn Tình, xã X2, huyện H2, tỉnh P1; Anh chị em ruột: Gia đình có 07 anh, chị em, bị cáo là con thứ bảy; Vợ: Người4, sinh năm 1988; Con: có 01 con sinh năm: 2023;

- Tiền sự, Tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 21/8/2023, đến ngày 14/11/2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện trú tại: Khu Sơn Tình, xã X2, huyện H2, tỉnh P1;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Người5, sinh năm 1990 và chị Người6, sinh năm 1986, đều ở khu Sầu 1, xã X1, huyện H1, tỉnh P1
2. Anh Người7, sinh năm: 1987. Địa chỉ: khu Đoàn Kết, xã X2, huyện H2, tỉnh P1
3. Anh Người8, sinh năm 1991 cùng ở khu Đoàn Kết, xã X2, huyện H2, tỉnh P1
4. Anh Người9, sinh năm: 1985 trú tại: Khu Xuân Tình, xã X2, huyện H2, tỉnh P1.
5. Chị Người10, sinh năm 1988 trú tại khu Rừng Cao, xã X3, huyện H2, tỉnh P1
6. Anh Người11, sinh năm 1990 và chị Người12, sinh năm 1986 Điều có địa chỉ: khu 5, xã X4, huyện H3, tỉnh P1

(Bị cáo có mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, do không có việc làm, mong muốn kiếm thêm thu nhập nên Người1, sinh năm 1987, nơi đăng ký thường trú: Khu Sơn Tình, xã X2, huyện H2, tỉnh P1 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động. Để sang được Trung Quốc lao động, Người1 tự tìm hiểu cách thức, chi phí sau đó đi đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh P2, Người1 tự liên hệ với một người bản địa, Người1 không nhớ họ tên, địa chỉ, thuê đưa đi xuất cảnh trái phép sang lao động tại Trung Quốc. Sau khi thống nhất chi phí, Người1 được dẫn đi theo đường mòn, lối mở sang địa phận Trung Quốc rồi được đưa đến lao động tại một xưởng sản xuất đồ chơi tại tỉnh Quảng Đông, tỉnh Phúc Kiến- Trung Quốc. Người1 lao động tại Trung Quốc đến khoảng cuối năm 2019, đầu năm 2020, do dịch COVID -19 bùng phát Người1 về Việt Nam. Do Người1 lao động nhiều năm tại Trung Quốc, biết tiếng Trung Quốc và biết một số công ty, chủ xưởng tại Trung Quốc cần tuyển người lao động nên một số bạn bè và người thân đã liên hệ nhờ Người1 giúp xuất cảnh trái phép sang lao động tại Trung Quốc. Bản thân Người1 cũng nhiều lần được các chủ xưởng lao động tại Trung Quốc nhờ tìm người dân Việt Nam sang lao động nên Người1 đồng ý. Thời gian làm việc tại Trung Quốc, Người1 có quen một người đàn ông Trung Quốc tên thường gọi là “A Duxx”, là người có thể sắp xếp, tổ chức đưa người vượt biên từ Việt Nam sang Trung Quốc và liên hệ xe ô tô chở người từ khu vực giáp biên vào sâu nội địa đến các xưởng lao động tại Trung Quốc mà Người1 liên hệ. Mức giá hai bên theo thỏa thuận, không cố định. Người1 chủ động thu tiền của số người dân có nhu cầu sang lao động trái phép tại Trung Quốc (có thể nhận tiền trực tiếp hoặc nhận tiền gián tiếp thông qua người của “A Duxx”) rồi tổng hợp chuyển bằng ứng dụng Wechat cho “A Duxx”. Mỗi người xuất cảnh trái phép, đến xưởng lao động thành công Người1 giữ lại 50 Nhân dân tệ tiền Trung Quốc (tương đương khoảng 185.000đ) là tiền hưởng lợi. Người1 đã 04 lần tổ chức cho 08 người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang lao động tại Trung Quốc cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Đầu năm 2015 anh Người5, sinh năm 1990 và vợ là chị Người6, sinh năm 1986, đều ở khu Sâu 1, xã X1, huyện H1, tỉnh P1 có nhu cầu sang Trung Quốc tìm việc làm, qua người quen anh Người5 biết Người1 có thể sắp xếp, tổ chức cho người đi Trung Quốc lao động, sau khi xin được số điện thoại của Người1, (anh Người5 không nhớ xin của ai), anh Người5 gọi điện thoại cho Người1 đặt vấn đề nhờ Người1 sắp xếp cho vợ chồng anh Người5 sang Trung Quốc lao động, Người1 nhất trí trao đổi với anh Người5 sẽ bố trí công việc cho anh Người5, chị Người6 làm tại xưởng sản xuất đồ chơi, lương tháng dao động từ 07 đến 08 triệu tiền Việt Nam, chi phí chuyến đi 5.000.000 đồng/ 1 người và hướng dẫn anh Người5, chị Người6 chuẩn bị các đồ dùng cá nhân mang theo. Theo hẹn, khoảng tháng 02/2015, Người1 hướng dẫn vợ chồng anh Người5 đi xe khách từ P1 lên khu vực ngã tư Mỹ Sơn, thành phố P2, tỉnh P2 và liên lạc với Người1. Trước đó Người1 đã liên lạc với “A Duxx” để nhờ người của “A Duxx” đón, đưa sang Trung Quốc qua đường tiểu ngạch và sắp xếp cho anh Người5, chị

Người6 làm việc tại xưởng sản xuất đồ chơi tại tỉnh Phúc Kiến- Trung Quốc, Người1 được hưởng lợi 100 nhân dân tệ/1 người, tổng cộng là 200 nhân dân tệ, Người1 đổi thành tiền Việt Nam được 700.000 đồng, đến tháng 8 năm 2015 do công việc vất vả, mức lương không ổn định anh Người5, chị Người6 tự liên hệ với người môi giới tại Trung Quốc (không rõ nhân họ tên, địa chỉ) để đưa trở về Việt Nam qua biên giới bằng đường mòn, về xã X1, huyện H1, tỉnh P1 đến nay.

Lần thứ hai: Khoảng gần tháng 8 năm 2019, anh Người7, sinh năm 1987, anh Người8, sinh năm 1991 cùng ở khu Đoàn Kết, xã X2, huyện H2, tỉnh P1 và một người phụ nữ tên là Linh không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể liên hệ đặt vấn đề nhờ Người1 bố trí, sắp xếp xuất cảnh trái phép sang lao động tại Trung Quốc. Người1 đồng ý hướng dẫn số người trên đi xe khách lên khu vực ngã tư Mỹ Sơn, phường Đông Kinh, thành phố P2, tỉnh P2 gặp Người1. Chi phí là khoảng 3.000.000đ (ba triệu đồng Tiền Việt Nam)/01 người. Người1 bảo mọi người chuẩn bị đồ dùng cá nhân và hẹn ngày xuất phát. Theo hẹn, khoảng gần cuối năm 2019, anh Người7, anh Người8 và chị Linh đi xe khách từ huyện H2, tỉnh P1 đến thành phố Hà Nội sau đó đi tiếp xe khách đến khu vực ngã tư Mỹ Sơn, thành phố P2, tỉnh P2. Khi đến nơi, Người1 ra đón và bảo số người trên đi vào quán cơm tên “Giang Lệ” ở ven đường đôi tiền Việt Nam Đồng (VIỆT NAMĐ) lấy tiền Nhân Dân Tệ (NDT). Sau đó Người1 trực tiếp thu tiền mỗi người là 1.000 NDT và hướng dẫn vào nhà trọ gần đó để nghỉ ngơi, Người1 liên hệ, chuyển số tiền 2.850 Nhân dân tệ cho “A Duxx” và giữ lại 150NDT cho bản thân là tiền hưởng lợi. Sau đó, buổi tối cùng ngày số người trên được người của “A Duxx” đưa xuất cảnh trái phép sang địa phận Trung Quốc bằng đường mòn, không làm bất cứ thủ tục xuất cảnh nào theo quy định với cơ quan chức năng. Anh Người7, anh Người8 và người phụ nữ tên Linh được đưa đi cùng với một số người Việt Nam (không rõ tên, tuổi, địa chỉ). Sang đến địa phận Trung Quốc, anh Người7 và anh Người8 được đưa vào làm việc tại xưởng sản xuất đồ chơi tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc do Người1 sắp xếp, còn người phụ nữ tên Linh sau khi sang địa phận Trung Quốc được người thân đón, đi đâu không rõ. Anh Người7 và anh Người8 lao động tại xưởng được bao ăn, ở tại xưởng, lương hàng tháng được 3.000NDT (khoảng hơn 10.000.000VIỆT NAMĐ). Khoảng 04 tháng sau, do xưởng không có việc làm nên anh Người7 liên hệ với “A Duxx” để “A Duxx” đưa về Việt Nam, Người7 được người của “A Duxx” đưa bằng xe khách về đến biên giới Trung Quốc giáp với tỉnh P2, đi theo đường mòn qua biên giới về Việt Nam, chi phí Người7 trả cho người này 800 NDT (khoảng 2.500.000đ). Quá trình nhập cảnh trái phép về Việt Nam, Người7 gặp chốt kiểm soát của Bộ đội Biên phòng cửa khẩu Chi Ma, tỉnh P2 khai báo và được đưa đi cách ly 15 ngày rồi được cho về địa phương.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 8 năm 2019, anh Người9, sinh năm 1985 trú tại: Khu Xuân Tình, xã X2, huyện H2, tỉnh P1 cùng bạn là Người10, sinh năm 1988 trú tại khu Rừng Cao, xã X3, huyện H2, tỉnh P1 có nguyện vọng sang lao động tại Trung Quốc để kiếm tiền nên đã thông qua Người13, sinh năm 1989, ở khu Đình A, xã X2, huyện H2, tỉnh P1 (đang lao động tại Trung Quốc) liên hệ với Người1 qua số điện thoại 09623216xx của Người1 để nhờ tổ chức, sắp xếp sang lao động tại Trung Quốc cùng xưởng với Người13. Người1 đồng ý và hướng

dẫn anh Người9, chị Người10 chuẩn bị đồ dùng cá nhân, hẹn ngày giờ, địa điểm đến khu vực ngã tư Mỹ Sơn, chi phí là 700NDT/01 người. Theo hẹn, anh Người9 và chị Người10 đi xe khách từ huyện H2 xuống thành phố Hà Nội rồi đến khu vực ngã tư Mỹ Sơn, thành phố P2, tỉnh P2. Tại đây, Người1 cho người ra đón anh Người9 và chị Người10 vào một quán cơm ở ven đường, sau đó bảo anh Người9 đổi tiền Việt Nam sang tiền Trung Quốc rồi đưa cho chủ quán cơm 1400 NDT. Sau khi anh Người9 và chị Người10 ăn cơm xong được Người1 đưa đi nghỉ, sau đó Người1 quay lại lấy tiền từ chủ quán cơm mà Người9 đưa trước đó và chuyển khoản bằng Wechat cho “A Duxx” 1.300NDT, giữ lại 100NDT là tiền hưởng lợi. Rạng sáng ngày hôm sau, anh Người9 và chị Người10 được người của “A Duxx” đưa lên xe ô tô cùng 05 người khác (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) xuất cảnh trái phép sang địa phận Trung Quốc bằng đường mòn, không làm bất cứ thủ tục xuất cảnh nào theo quy định với cơ quan chức năng. Tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, Người1 bố trí cho anh Người9, chị Người10 làm tại xưởng sản xuất đồ chơi, lương khoảng 3.000NDT/01 tháng cùng với Người13. Đến khoảng tháng 12/2019, do tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Trung Quốc diễn biến phức tạp, mức lương tại xưởng không ổn định nên chị Người10 và anh Người9 quyết định trở về Việt Nam. Chị Người10 liên hệ nhờ một phụ nữ người Việt Nam biết tiếng Trung Quốc làm cùng tại xưởng để đón xe cho Người10 và Người9 về Việt Nam. Sau đó, có người đưa Người9 và Người10 lên xe ô tô con từ xưởng đưa ra đường cao tốc Trung Quốc, lên xe khách để đi đến khu vực giáp biên giới Việt - Trung; chi phí trở về là 1600 NDT/01 người, Người10 đưa tiền trực tiếp cho người lái xe ô tô con. Đến giáp biên giới Việt - Trung, có người Trung Quốc đón, đưa chị Người10 và anh Người9 nhập cảnh trái phép về Việt Nam qua đường tiểu ngạch bằng đường rừng.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 9/2019, anh Người11, sinh năm 1990 và vợ là: Người12, sinh năm 1986 nhà ở khu 5, xã X4, huyện H3, tỉnh P1 thông qua chị Người10 để liên hệ với Người1 nhờ bố trí, sắp xếp xuất cảnh trái phép sang lao động tại Trung Quốc. Người1 đồng ý, hướng dẫn chuẩn bị đồ dùng cá nhân, hẹn ngày giờ, địa điểm tại ngã tư Mỹ Sơn, thành phố P2, tỉnh P2, chi phí đi là 700 Nhân dân tệ /01 người. Theo hẹn, anh Người11 và chị Người12 đi xe khách đến khu vực ngã tư Mỹ Sơn, thành phố P2, tỉnh P2. Lần này do có việc bận nên Người1 không ra gặp trực tiếp mà liên hệ với “A Duxx” cho người ra đón. Đến buổi chiều cùng ngày, anh Người11, chị Người12 được người của “A Duxx” hướng dẫn lên xe ô tô, trên xe có khoảng 10 người (không rõ, tên, tuổi địa chỉ) và đưa tiền cho lái xe sau đó đưa lại cho Người1. Người1 chuyển khoản tiền 1.300 Nhân dân tệ bằng Wechat cho “A Duxx” và giữ lại 100 Nhân dân tệ là tiền hưởng lợi. Số người trên được dẫn đường xuất cảnh trái phép sang địa phận Trung Quốc bằng đường mòn, không làm bất cứ thủ tục xuất cảnh nào theo quy định với cơ quan chức năng. Tại Quảng Đông, Trung Quốc, Người1 bố trí cho anh Người11, chị Người12 làm tại xưởng sản xuất đồ chơi, lương khoảng 2.700 Nhân dân tệ/01 tháng. Đến khoảng tháng 12/2019, do tình hình dịch COVID - 19 diễn biến phức tạp nên anh Người11 và chị Người12 đã thông qua Người13 (quản lý xưởng nơi Người11 và Người12 làm việc) để nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam. Chi phí 800 NDT/01 người. Sau đó Người11 và Người12 được một người

Trung Quốc đi xe ô tô con đến đón và đưa ra đường cao tốc rồi đi xe khách đến khu vực giáp biên giới Trung - Việt. Tại đây, Người11 và Người12 được một người Trung Quốc hướng dẫn đi theo đường mòn nhập cảnh trái phép về Việt Nam tại khu vực tỉnh P2.

Tại Cơ quan An ninh điều tra, Người7, Người9, Người10, Người11, Người12, Người5, Người6 đều khai nhận sự việc được Người1 tổ chức trốn đi nước ngoài như đã nêu trên. Người1 khai nhận tổng số tiền Người1 hưởng lợi là 550 Nhân dân tệ, Người1 đổi lấy tiền Việt Nam để sử dụng theo giá thị trường thời điểm đó được tổng cộng 2.000.000 đồng.

Đối với hành vi xuất nhập cảnh trái phép của Người7, Người9, Người10, Người11, Người12, Người5, Người6 đến nay đã hết thời hiệu xử phạt hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật”, quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, trước đó chưa ai bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất nhập cảnh trái phép; đối với một người phụ nữ tên Linh và Người8, Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp rà soát, xác minh nhưng không đủ dữ liệu xác định chính xác tên, tuổi, địa chỉ của người phụ nữ tên là Linh, Người8 vắng mặt tại nơi cư trú không rõ ở đâu, nên Cơ quan có thẩm quyền không xử lý là phù hợp.

Đối với Người13, sinh năm 1989, trú tại: Khu Đình A, xã X2, huyện H2, tỉnh P1 là người đã giới thiệu Người9, Người10 liên hệ với Người1. Cơ quan An ninh điều tra đã nhiều lần xác minh, xác định Người13 vắng mặt tại địa phương, theo gia đình cung cấp hiện Người13 vẫn đang lao động tại Trung Quốc, nên chưa có điều kiện triệu tập làm rõ, do đó không đủ căn cứ đề cập xử lý.

Đối với người Trung Quốc có tên là “A Duxx” và số người trong nhóm của “A Duxx” tổ chức cho 08 người trên xuất cảnh trái phép sang lao động tại Trung Quốc, Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp rà soát, xác minh nhưng không có căn cứ xác định chính xác tên, tuổi, địa chỉ của “A Duxx” và những người trên nên không có cơ sở xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra, truy tố, bị can Người1 đã tự giác nộp lại số tiền 2.000.000 đồng thu lời bất chính để sung công quỹ Nhà nước. Cơ quan An ninh điều tra đã nộp số tiền 1.300.000đ vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.000xx của Công an tỉnh P1 tại Kho bạc nhà nước tỉnh P1, 900.000 đồng nộp tại Biên lai thu số 0000045 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh P1.

Cáo trạng số: 125/CT-VKS ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P1 truy tố bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

“Điều 349. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép

1. Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- ...
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Đối với từ 05 người đến 10 người;”
- ...”

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi, thể hiện thái độ ăn năn hối cải.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều khoản 1 Điều 54 BLHS

Đề nghị xử phạt bị cáo từ: 18 (Mười tám) tới 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, tịch thu số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền thu lời bất chính để sung vào quỹ nhà nước. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Phân tích chứng cứ:

Từ tháng 02 năm 2015 đến cuối năm 2019, Người1 đã có hành vi câu kết cùng đối tượng tên “A Duxx” ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc để trực tiếp liên lạc, hướng dẫn, đưa 08 người trú tại huyện H2, huyện H3, huyện H1, tỉnh P1, gồm: Người7, Người8, Người9, Người10, Người11, Người12, Người5, Người6, đi từ huyện H2, huyện H3, huyện H1, tỉnh P1 đến khu vực ngã tư Mỹ Sơn, phường Đông Kinh, thành phố P2, tỉnh P2 gặp người đàn ông tên là “A Duxx” để “A Duxx” tổ chức cho 08 người xuất cảnh trái phép bằng đường tiểu ngạch từ Việt Nam sang Trung Quốc qua biên giới Việt Trung không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định của pháp luật, đến tỉnh Phúc Kiến, tỉnh Quảng Đông- Trung Quốc ở lại lao động trái phép, Người1 hưởng lợi tổng số 2.000.000 đồng tiền Việt Nam, đến cuối năm 2015 và cuối năm 2019 có 07 người gồm Người7, Người9, Người10, Người11, Người12, Người5, Người6 đã nhập cảnh trái phép trở về Việt Nam.

Hành vi của Người1 đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh được quy định trong Bộ luật Hình sự, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

Xét nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo nhận thấy: Do vụ lợi cá nhân, muốn giúp người khác có việc làm, thu nhập, thông qua đó thu lợi cho bản thân, bị can đã thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo tự thú khai ra lần phạm tội năm 2015 tổ chức cho Người5 và Người6 xuất cảnh trái phép; Bị cáo tích cực nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước; Bị cáo còn giao nộp một giấy biên nhận bản thân bị cáo đã ủng hộ 3.000.000đ cho Hội chữ thập đỏ của xã X2, huyện H2, tỉnh P1. Ngoài ra bị cáo còn có bố đẻ là ông Người2 được tặng thưởng Huân

chương kháng chiến hạng ba năm 1996; mẹ đẻ bị can là bà Người³ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử dưới khung hình phạt, trên mức thấp nhất của Khoản 1 Điều 349 BLHS là phù hợp.

Bị cáo không có tài sản gì ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu nên không phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Đối với hành vi xuất nhập cảnh trái phép của Người⁷, Người⁹, Người¹⁰, Người¹¹, Người¹², Người⁵, Người⁶ đến nay đã hết thời hiệu xử phạt hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật”, quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, trước đó chưa ai bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất nhập cảnh trái phép; đối với một người phụ nữ tên Linh và Người⁸, Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp rà soát, xác minh nhưng không đủ dữ liệu xác định chính xác tên, tuổi, địa chỉ của người phụ nữ tên là Linh, Người⁸ vắng mặt tại nơi cư trú không rõ ở đâu, nên Cơ quan có thẩm quyền không xử lý là phù hợp.

[2] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu 2.000.000đ số tiền thu lời bất chính của bị cáo để sung quỹ nhà nước. Xác nhận số tiền này hiện tại được Cơ quan An ninh điều tra nộp 1.300.000đ vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.000xx của Công an tỉnh P1 tại Kho bạc nhà nước tỉnh P1 và 900.000 đồng nộp tại Biên lai thu số 0000045 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh P1.

[2] Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa:

Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyết định và hành vi tố tụng: Các quyết định của cơ quan an ninh điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điều tra viên; Kiểm sát viên, thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 349, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Người¹ phạm tội: Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài.

Xử phạt: Xử phạt bị cáo Người¹ 18 (Mười tám) tháng tù về tội: “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, được trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2023 đến ngày 14/11/2023.

[2] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 89; Điều 104; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 2.000.000đ số tiền thu lời bất chính của bị cáo để sung quỹ nhà nước. Xác nhận số tiền này hiện tại được Cơ quan An ninh điều tra nộp 1.300.000đ vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.000xx của Công an tỉnh P1 tại Kho bạc nhà nước tỉnh P1 và 900.000 đồng nộp tại Biên lai thu số 0000045 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh P1.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Xác nhận, bị cáo đã nộp cùng Biên lai thu số 0000045 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh P1.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan để xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh P1;
- CQANĐT CA tỉnh P1;
- PV 06 Công an tỉnh P1;
- THAHS, DS, STP tỉnh P1;
- Bị cáo; Người liên quan;
- UBND các xã, phường liên quan;
- Lưu: án văn, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Anh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/TB-TA

P1, ngày 25 tháng 4 năm 2024.

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: /2024/HS-ST ngày 08/01/2024 xét

xử bị cáo Người1 về tội: “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” của Tòa án nhân dân tỉnh P1 cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1.Về nội dung, từ dòng thứ 03 từ trên xuống trang 01 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi:

“...03/2023/HS-ST...”

Nay được sửa chữa như sau:

“...03/2024/HS-ST...”.

2.Về nội dung, từ dòng thứ 16 từ trên xuống trang 01 của Bản án phúc thẩm nêu trên đã ghi:

“...99/2023/HS-PT...”

Nay được sửa chữa như sau:

“...99/2023/HS-ST...”/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P1;
- Phòng PC01 - CA tỉnh P1;
- PV 06 Công an tỉnh P1;
- Sở Tư Pháp tỉnh P1;
- Cục THA Dân sự.
- Bị cáo, Người LQ;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Anh

Thạnh vi^an hⁱi @^ảng xĐt x^õ

ThỀm ph_ưn - Ch^ũ to¹ phⁱaⁿ to^μ

Nguyễn Viết Anh

